

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

*Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-QLTTĐT ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.*

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp xin thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

**1. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá:**

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số 155, đường Phù Đồng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Tên tài sản bán đấu giá:** Tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu, gồm 05 lô tài sản, cụ thể như sau:

| Lô tài sản | Tài sản                     | Tổng trị giá tài sản (Đồng) |
|------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1          | Quần áo may sẵn             | 11.800.000                  |
| 2          | Ổ khoá, tụ điện             | 6.505.000                   |
| 3          | Ba lô học sinh, túi xách    | 5.340.000                   |
| 4          | Máy rửa xe, máy xay         | 5.340.000                   |
| 5          | Phụ kiện điện thoại di động | 31.250.000                  |

*(Đính kèm bảng kê tài sản)*

**4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá:**

- Thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản *(đính kèm Phụ lục I)*.

- Phần điểm cộng 5 điểm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022, cụ thể như sau:



+ Tổ chức đấu giá nào có kinh nghiệm đấu giá từ 4 năm trở lên được cộng 2 điểm, từ 3 năm đến dưới 4 năm được cộng 1,5 điểm, dưới 3 năm được cộng 1 điểm.

+ Tổ chức đấu giá nào có số tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề cao nhất (trừ thuế giá trị gia tăng): cộng 1 điểm.

+ Tổ chức đấu giá nào có mức thù lao dịch vụ đấu giá thấp nhất: cộng 2 điểm.

### 5. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:

Kể từ ngày 05/11/2024 đến ngày 07/11/2024 (*Trong giờ hành chính*) nếu các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu thì nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số 155, đường Phù Đổng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

#### \* Lưu ý:

- Không hoàn lại hồ sơ đối với đơn vị có hồ sơ không được lựa chọn.
- Bán nguyên trạng tài sản, người được quyền mua tài sản tự chịu trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung các thủ tục cần thiết theo quy định nếu đưa hàng hóa ra lưu thông trên thị trường.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./. *Nam*

#### Nơi nhận:

- Cục trưởng (b/c);
- Công TTĐT Cục;
- Niêm yết tại trụ sở Cục;
- Công TTĐTQG về ĐGTS;
- Lưu: VT, NVTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Huệ**







| STT                              | Cơ quan ban hành            | Quyết định xử phạt/ tịch thu |             | Tài sản        | Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri         | Nguồn gốc, xuất xứ | Chất lượng hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------|----------------|-------------------------------------------|--------------------|---------------------|-------------|----------|---------|------------|
|                                  |                             | Số                           | Ngày, tháng |                |                                           |                    |                     |             |          |         |            |
| 2                                | Đội Quản lý thị trường số 2 | 49020059/QĐ-XPHC             | 25/9/2024   | Tụ điện        | Nhãn hiệu BM CBB60, loại 40 uF,           | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 10       | 60.000  | 600.000    |
|                                  |                             |                              |             | Tụ điện        | Nhãn hiệu BM CBB60, loại 45 uF            | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 10       | 60.000  | 600.000    |
|                                  |                             |                              |             | Tụ điện        | Nhãn hiệu BM CBB60, loại 50 uF            | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 5        | 60.000  | 300.000    |
|                                  |                             |                              |             | Tụ điện        | Nhãn hiệu BM CBB60, loại 60 uF            | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 5        | 60.000  | 300.000    |
|                                  |                             |                              |             | Tụ điện        | Nhãn hiệu BM CBB60, loại 100 uF           | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 5        | 60.000  | 300.000    |
|                                  |                             |                              |             | Tụ điện        | Nhãn hiệu BM CBB60, loại 200 uF           | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 10       | 60.000  | 600.000    |
|                                  |                             |                              |             | Tụ điện        | Nhãn hiệu BM CBB60, loại 250 uF, không rõ | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 5        | 60.000  | 300.000    |
|                                  |                             |                              |             | Tụ điện        | Nhãn hiệu BM CBB60, loại 450 uF           | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 5        | 60.000  | 300.000    |
| III. Lô ba lô học sinh, túi xách |                             |                              |             |                |                                           |                    |                     |             | 18       |         | 5.340.000  |
| 1                                | Đội Quản lý thị trường số 1 | 49010108/QĐ-XPHC             | 26/9/2024   | Ba lô học sinh | Nhãn hiệu Huduy                           | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 5        | 340.000 | 1.700.000  |
|                                  |                             |                              |             | Ba lô học sinh | Nhãn hiệu ABC 123                         | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 4        | 250.000 | 1.000.000  |
|                                  |                             |                              |             | Ba lô học sinh | Nhãn hiệu Paw in paw                      | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 2        | 280.000 | 560.000    |
|                                  |                             |                              |             | Ba lô nữ       | Nhãn hiệu Xuân Lan                        | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 5        | 320.000 | 1.600.000  |
|                                  |                             |                              |             | Túi xách       | Nhãn hiệu YUZHE                           | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 2        | 240.000 | 480.000    |

IN VIỆC  
 TRƯỞNG  
 THẤP  
 LÝ THUYẾT



| STT                            | Cơ quan ban hành            | Quyết định xử phạt/ tịch thu |             | Tài sản                           | Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri          | Nguồn gốc, xuất xứ | Chất lượng hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền |
|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------|-----------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|---------------------|-------------|----------|-----------|------------|
|                                |                             | Số                           | Ngày, tháng |                                   |                                            |                    |                     |             |          |           |            |
| IV. Lô máy rửa xe, máy xay     |                             |                              |             |                                   |                                            |                    |                     |             | 3        |           | 5.340.000  |
| 1                              | Đội Quản lý thị trường số 3 | 49030095/QĐ-XPFC             | 27/09/2024  | Máy rửa xe áp suất cao            | KYOTO, model: KR-502                       | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 1        | 1.600.000 | 1.600.000  |
|                                |                             |                              |             | Máy xay đậu nành                  | JUNSHI, model: DM-Z80A                     | Không rõ NGXX      | CQSD                | Cái         | 2        | 1.870.000 | 3.740.000  |
| V. Phụ kiện điện thoại di động |                             |                              |             |                                   |                                            |                    |                     |             | 506      |           | 31.250.000 |
| 1                              | Đội Quản lý thị trường số 1 | 49010109/QĐ-XPFC             | 26/9/2024   | Kính cường lực điện thoại di động | Nhãn hiệu Kasl, loại 10 miếng/hộp          | Trung Quốc         | CQSD                | Hộp         | 22       | 250.000   | 5.500.000  |
| 2                              | Đội Quản lý thị trường số 2 | 490200058/QĐ-XPFC            | 23/09/2024  | Kính cường lực điện thoại di động | Nhãn hiệu TEMPERED GLASS SCREEN            | Trung Quốc         | CQSD                | Cái         | 70       | 50.000    | 3.500.000  |
| 3                              | Đội Quản lý thị trường số 3 | 49030097/QĐ-XPFC             | 30/09/2024  | Miếng dán cường lực               | Miếng dán cường lực, nhãn hiệu MAGIC GLASS | Trung Quốc         | CQSD                | Cái         | 270      | 20.000    | 5.400.000  |
| 4                              | Đội Quản lý thị trường số 4 | 49040068/QĐ-XPFC             | 02/10/2024  | Kính cường lực điện thoại di động | Nhãn hiệu Glass sull cover                 | Trung Quốc         | CQSD                | Cái         | 125      | 46.000    | 5.750.000  |
| 5                              | Đội Quản lý thị trường số 4 | 4904069/QĐ-XPFC              | 02/10/2024  | Cốc sạc điện thoại di động        | Nhãn hiệu: USB-C 35W                       | Trung Quốc         | CQSD                | Chiếc       | 4        | 700.000   | 2.800.000  |
|                                |                             |                              |             | Cốc sạc điện thoại di động        | Nhãn hiệu: USB-C 20W                       | Trung Quốc         | CQSD                | Chiếc       | 8        | 600.000   | 4.800.000  |
|                                |                             |                              |             | Bao da máy tính bảng              | Nhãn hiệu: LISHEN                          | Trung Quốc         | CQSD                | Chiếc       | 7        | 500.000   | 3.500.000  |





**PHỤ LỤC I**  
**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN<sup>1</sup>**

(Kèm theo Thông báo số 975 /TB-QLTTĐT ngày 04 tháng 11 năm 2024  
của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp)

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| I   | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá                                                                                                                                                          | 23,0       |
| 1   | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                                                                                                                 | 11,0       |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)                                                                                                                                              | 6,0        |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện                                                                                                                                                               | 5,0        |
| 2   | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                                                                                                       | 8,0        |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                   | 4,0        |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá                                                                                                                              | 4,0        |
| 3   | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động                                                                                                                                                                                                               | 2,0        |
| 4   | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến                                                                                                                                                             | 1,0        |
| 5   | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                            | 1,0        |
| II  | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)                                                                                                                                                                   | 22,0       |
| 1   | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan                                                                                                                               | 4,0        |
| 2   | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0        |
| 3   | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá                                                                                                                                                                        | 4,0        |
| 4   | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá                                                                                                                   | 4,0        |
| 5   | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật                                                                                                                                                                                       | 3,0        |



<sup>1</sup> Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.



|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|            | <b>tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
| <b>6</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>3,0</b>  |
| <b>III</b> | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>45,0</b> |
| <b>1</b>   | <b>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</b>                                                                              | <b>6,0</b>  |
| 1.1        | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2,0         |
| 1.2        | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3,0         |
| 1.3        | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0         |
| 1.4        | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5,0         |
| 1.5        | Từ 30 hợp đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6,0         |
| <b>2</b>   | <b>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</b> | <b>18,0</b> |
| 2.1        | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 10,0        |
| 2.2        | Từ 20% đến dưới 40%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 12,0        |
| 2.3        | Từ 40% đến dưới 70%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 14,0        |
| 2.4        | Từ 70% đến dưới 100%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 16,0        |
| 2.5        | Từ 100% trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 18,0        |
| <b>3</b>   | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</b>                                                                                       | <b>5,0</b>  |
| 3.1        | Dưới 03 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3,0         |
| 3.2        | Từ 03 năm đến dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,0         |
| 3.3        | Từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0         |
| <b>4</b>   | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>3,0</b>  |
| 4.1        | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1,0         |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0 |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3,0 |
| 5   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</b> | 4,0 |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0 |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3,0 |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,0 |
| 6   | <b>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</b>                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5,0 |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2,0 |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3,0 |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0 |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5,0 |
| 7   | <b>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3,0 |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2,0 |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0 |
| 8   | <b>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1,0 |
| IV  | <b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,0 |
| 1   | <b>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3,0 |
| 2   | <b>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</b>                                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0 |
| 3   | <b>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</b>                                                                                                                                                                                                                                                  | 5,0 |
| V   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5,0 |





|              |                                                                            |                    |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|              | giá quyết định                                                             |                    |
| Tổng số điểm |                                                                            | 100                |
| VI           | Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố   |                    |
| 1            | Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố       | Đủ điều kiện       |
| 2            | Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện |

